



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

| MỤC LỤC | Trang |
|---|--------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 1 - 3 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính | 4 |
| Các Báo cáo tài chính | |
| • Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| • Báo cáo kết quả kinh doanh | 7 |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính | 9 - 25 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/11/2013 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2014: 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 122 người. Trong đó cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Lê Hoàng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|---------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2014





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 977/2014/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 22/07/2014 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 7, tiền lương đã chi trả cho người lao động vượt quá quỹ lương theo đơn giá được duyệt là 1.939.012.031 đồng đang được phản ánh tại khoản mục "Phải thu khác". Việc chi trả tiền lương vượt nguồn hiện có là không đảm bảo nguyên tắc thận trọng của kế toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0391-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2014

Lâm Quang Tú – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 45.648.194.243 | 49.856.908.637 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 2.809.954.791 | 16.839.710.614 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.809.954.791 | 3.739.710.614 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 13.100.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.750.000.000 | 750.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 11.750.000.000 | 750.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 18.703.429.011 | 26.438.352.916 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 12.217.343.478 | 25.161.355.398 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 4.392.352.366 | 521.058.741 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 2.420.760.076 | 1.095.943.994 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (327.026.909) | (340.005.217) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 11.677.568.311 | 5.460.247.619 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 8 | 11.714.859.045 | 5.497.538.353 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (37.290.734) | (37.290.734) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 707.242.130 | 368.597.488 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 9 | 201.944.160 | 261.967.266 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 171.100.105 | - |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 10 | 334.197.865 | 106.630.222 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.117.727.112 | 5.293.765.980 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.518.536.624 | 2.157.859.254 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 1.518.536.624 | 2.157.859.254 |
| - Nguyên giá | 222 | | 7.394.964.944 | 7.349.344.944 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (5.876.428.320) | (5.191.485.690) |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.599.190.488 | 3.135.906.726 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 1.439.161.344 | 2.099.230.895 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 271.384.144 | 286.675.831 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 13 | 888.645.000 | 750.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 49.765.921.355 | 55.150.674.617 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 27.249.251.487 | 32.883.000.527 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 27.249.251.487 | 32.883.000.527 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | | 23.018.956.453 | 20.238.668.804 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | | 1.869.317.246 | 2.868.824.506 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 14 | 1.444.083.858 | 2.209.435.700 |
| 4. Phải trả người lao động | 315 | | - | 7.062.570.562 |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 15 | 389.396.691 | 292.249.376 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 527.497.239 | 211.251.579 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 22.516.669.868 | 22.267.674.090 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 22.516.669.868 | 22.267.674.090 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 16 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 16 | (119.500.000) | (119.500.000) |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | 16 | (150.000) | (150.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 16 | 2.844.067.948 | 2.318.879.561 |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 16 | 868.397.187 | 648.072.913 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 16 | 3.923.854.733 | 4.420.371.616 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 49.765.921.355 | 55.150.674.617 |



Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thắng

Người lập biểu

Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ | 01 | 17 | 34.763.149.132 | 26.094.839.774 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 17 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | 17 | 34.763.149.132 | 26.094.839.774 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 18 | 24.614.856.727 | 18.387.348.803 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 10.148.292.405 | 7.707.490.971 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 563.543.322 | 158.660.170 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | 20.246.029 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 20.246.029 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 6.949.742.400 | 4.513.448.575 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 2.689.578.465 | 2.827.626.905 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.072.514.862 | 504.829.632 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 20 | 192.353.861 | 195.186.848 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 21 | 9.257.621 | 16.616.149 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 183.096.240 | 178.570.699 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 22 | 1.255.611.102 | 683.400.331 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 22 | 330.350.815 | 174.926.160 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 22 | 15.291.687 | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | 22 | 909.968.600 | 508.474.171 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 23 | 607 | 508 |



Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thắng

Người lập biểu

Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---|-----------|-----------------------------|-----------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác | 01 | 48.905.663.756 | 35.169.686.731 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (37.678.513.736) | (29.151.501.047) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (11.677.202.567) | (9.819.276.405) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | - | (20.246.029) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (1.582.956.290) | (744.206.502) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 476.786.476 | 1.141.801.454 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (1.773.502.729) | (2.993.683.380) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (3.329.725.090) | (6.417.425.178) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | (50.182.000) | (2.345.453.547) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (11.000.000.000) | - |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 363.850.267 | 177.624.059 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (10.686.331.733) | (2.167.829.488) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 1.022.231.090 |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (13.699.000) | (981.324.900) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (13.699.000) | 40.906.190 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (14.029.755.823) | (8.544.348.476) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 16.839.710.614 | 9.909.770.702 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 2.809.954.791 | 1.365.422.226 |

Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thắng

Người lập biểu

Phạm Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/11/2013 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2014: 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Máy móc, thiết bị | 3,5 |
| Phương tiện vận tải | 3 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5 |

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Đối với sách tham khảo, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5% .
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 39.512.908 | 357.403.950 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.770.441.883 | 3.382.306.664 |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | - | 13.100.000.000 |
| Cộng | 2.809.954.791 | 16.839.710.614 |

6. Đầu tư ngắn hạn

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|---|-----------------------|--------------------|
| Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ XBGD Hà Nội (75.000 CP) | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng | 11.000.000.000 | - |
| Cộng | 11.750.000.000 | 750.000.000 |

Báo cáo tài chính các năm của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội đều có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

7. Các khoản phải thu khác

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tạ Thanh Tùng | 7.683.263 | 7.683.263 |
| Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn | 139.348.611 | 52.155.556 |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | 54.232.649 | 72.447.819 |
| Kinh phí công đoàn chi vượt | 34.230.764 | - |
| Phải thu cổ tức năm 2013 của Công ty CP DVXB Hà Nội | 112.500.000 | - |
| Phải thu người lao động (dư nợ 334) (*) | 1.939.012.031 | - |
| Phải thu khác | 133.752.758 | 963.657.356 |
| Cộng | 2.420.760.076 | 1.095.943.994 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.390.021.607 | 2.464.375.424 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | 26.432.222 |
| Thành phẩm | 7.962.579.343 | 2.418.518.323 |
| Hàng hóa | 1.362.258.095 | 588.212.384 |
| Cộng | 11.714.859.045 | 5.497.538.353 |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 201.944.160 | 261.967.266 |
| Cộng | 201.944.160 | 261.967.266 |

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-------------|--------------------|--------------------|
| Tạm ứng | 334.197.865 | 106.630.222 |
| Cộng | 334.197.865 | 106.630.222 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc thiết bị VND | P.tiện vận tải truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|------------------------|----------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 3.394.039.871 | 3.236.152.191 | 719.152.882 | 7.349.344.944 |
| Mua sắm trong kỳ | - | - | 45.620.000 | 45.620.000 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 3.394.039.871 | 3.236.152.191 | 764.772.882 | 7.394.964.944 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 3.238.797.026 | 1.353.294.867 | 599.393.797 | 5.191.485.690 |
| Khấu hao trong kỳ | 155.242.845 | 429.105.039 | 100.594.746 | 684.942.630 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 3.394.039.871 | 1.782.399.906 | 699.988.543 | 5.876.428.320 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 155.242.845 | 1.882.857.324 | 119.759.085 | 2.157.859.254 |
| Số cuối kỳ | - | 1.453.752.285 | 64.784.339 | 1.518.536.624 |

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 4.678.038.952 đồng.

Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2014.

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ | 602.135.804 | 704.902.429 |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 837.025.540 | 1.394.328.466 |
| Cộng | 1.439.161.344 | 2.099.230.895 |

13. Tài sản dài hạn khác

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 888.645.000 | 750.000.000 |
| Cộng | 888.645.000 | 750.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 78.490.318 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 208.343.029 | 1.460.948.504 |
| Thuế thu nhập cá nhân vãng lai | 1.235.740.829 | 669.996.878 |
| Cộng | 1.444.083.858 | 2.209.435.700 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | - | 113.251.488 |
| Cổ tức phải trả | - | 13.699.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 389.396.691 | 165.298.888 |
| - Quỹ từ thiện NXB | 6.195.714 | 6.195.714 |
| - Phải trả khác | 383.200.977 | 159.103.174 |
| Cộng | 389.396.691 | 292.249.376 |

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND |
|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|----------------------------------|--|
| SD tại 01/01/2013 | 10.000.000.000 | - | - | 824.349.970 | 431.854.235 | 4.373.290.436 |
| Tăng trong kỳ | 5.000.000.000 | (119.500.000) | (150.000) | 1.494.529.591 | 216.218.678 | 4.406.485.483 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - | 4.359.404.303 |
| SD tại 31/12/2013 | 15.000.000.000 | (119.500.000) | (150.000) | 2.318.879.561 | 648.072.913 | 4.420.371.616 |
| SD tại 01/01/2014 | 15.000.000.000 | (119.500.000) | (150.000) | 2.318.879.561 | 648.072.913 | 4.420.371.616 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | 525.188.387 | 220.324.274 | 909.968.600 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - | 1.406.485.483 |
| SD tại 30/06/2014 | 15.000.000.000 | (119.500.000) | (150.000) | 2.844.067.948 | 868.397.187 | 3.923.854.733 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

| | 30/06/2014 | 31/12/2013 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - Cổ phiếu thường | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 15 | 15 |
| - Cổ phiếu thường | 15 | 15 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.499.985 | 1.499.985 |
| - Cổ phiếu thường | 1.499.985 | 1.499.985 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND | | |

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | 30/06/2014 | 31/12/2013 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 4.420.371.616 | 4.373.290.436 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 909.968.600 | 4.406.485.483 |
| Phân phối lợi nhuận | 1.406.485.483 | 4.359.404.303 |
| - Phân phối lợi nhuận năm trước (*) | 1.406.485.483 | 4.359.404.303 |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | 525.188.387 | 1.494.529.591 |
| + Trích quỹ dự phòng tài chính | 220.324.274 | 216.218.678 |
| + Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành | 660.972.822 | 648.656.034 |
| + Trả cổ tức bằng tiền | - | 1.000.000.000 |
| + Trả cổ tức bằng cổ phiếu | - | 1.000.000.000 |
| - Tạm ứng cổ tức năm nay | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3.923.854.733 | 4.420.371.616 |

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2013 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 01/04/2014.

17. Doanh thu

| | 6 tháng đầu | 6 tháng đầu |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | năm 2014 | năm 2013 |
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | 34.763.149.132 | 26.094.839.774 |
| + Doanh thu bán sách tham khảo | 29.489.334.194 | 19.019.979.209 |
| + Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông | 5.273.814.938 | 7.074.860.565 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Cộng | 34.763.149.132 | 26.094.839.774 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Giá vốn hàng bán

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Giá vốn sách tham khảo | 22.854.226.983 | 15.345.742.833 |
| Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông | 1.760.629.744 | 3.041.605.970 |
| Cộng | 24.614.856.727 | 18.387.348.803 |

19. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 451.043.322 | 113.660.170 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 112.500.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 563.543.322 | 158.660.170 |

20. Thu nhập khác

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Nhận tiền khuyến mãi | 112.128.911 | 92.678.743 |
| Thu tiền đền bù do mất hàng | 11.683.210 | 75.435.229 |
| Thu từ bán phế liệu | - | 3.500.000 |
| Thu nhập khác | 68.541.740 | 23.572.876 |
| Cộng | 192.353.861 | 195.186.848 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Chi phí khác

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Nộp phạt thuế | - | 14.959.759 |
| Chi phí khác | 9.257.621 | 1.656.390 |
| Cộng | 9.257.621 | 16.616.149 |

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.255.611.102 | 683.400.331 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 245.983.510 | 16.304.307 |
| Điều chỉnh tăng | 427.991.177 | 61.304.307 |
| - Chi phí không hợp lệ | 176.590.860 | 61.304.307 |
| - Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ | 89.400.317 | - |
| - Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp hiệu hành | 162.000.000 | - |
| Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia) | 182.007.667 | 45.000.000 |
| - Cổ tức lợi nhuận được chia | 112.500.000 | 195.000.000 |
| - Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán | 69.507.667 | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 1.501.594.612 | 699.704.638 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 330.350.815 | 174.926.160 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 15.291.687 | - |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm nay | 15.291.687 | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 909.968.600 | 508.474.171 |

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 909.968.600 | 508.474.171 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán | - | - |
| LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông | 909.968.600 | 508.474.171 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 1.499.985 | 1.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 607 | 508 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.593.968.522 | 5.510.498.176 |
| Chi phí nhân công | 3.548.705.020 | 2.033.107.739 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 684.942.630 | 864.876.785 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.936.726.809 | 4.786.905.665 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.314.090.406 | 1.450.821.861 |
| Cộng | 20.078.433.387 | 14.646.210.226 |

25. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

| <u>30/06/2014</u> | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u> |
|--------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán | 23.018.956.453 | - | 23.018.956.453 |
| Phải trả khác | 389.396.691 | - | 389.396.691 |
| Cộng | <u>23.408.353.144</u> | <u>-</u> | <u>23.408.353.144</u> |
| <u>31/12/2013</u> | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u> |
| Phải trả người bán | 20.238.668.804 | - | 20.238.668.804 |
| Phải trả khác | 178.997.888 | - | 178.997.888 |
| Cộng | <u>20.417.666.692</u> | <u>-</u> | <u>20.417.666.692</u> |

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần:

Đơn vị tính: VND

| <u>30/06/2014</u> | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u> |
|------------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.809.954.791 | - | 2.809.954.791 |
| Phải thu khách hàng | 11.890.316.569 | - | 11.890.316.569 |
| Phải thu khác | 393.284.632 | - | 393.284.632 |
| Đầu tư tài chính | 11.750.000.000 | - | 11.750.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | - | 888.645.000 | 888.645.000 |
| Cộng | <u>26.843.555.992</u> | <u>888.645.000</u> | <u>27.732.200.992</u> |
| <u>31/12/2013</u> | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 16.839.710.614 | - | 16.839.710.614 |
| Phải thu khách hàng | 24.821.350.181 | - | 24.821.350.181 |
| Phải thu khác | 1.023.496.175 | - | 1.023.496.175 |
| Đầu tư tài chính | 750.000.000 | - | 750.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | - | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Cộng | <u>43.434.556.970</u> | <u>750.000.000</u> | <u>44.184.556.970</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục và phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| Tên Công ty | Mối quan hệ |
|---|---------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng | Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư |
| Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội | Công ty cùng Chung Công ty nhà đầu tư |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ với các bên có liên quan gồm:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2013 VND |
|---|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bán hàng | | | |
| Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam | Bán tem, sách | 188.310.704 | 229.641.930 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Bán tem, sách | 1.236.301.140 | 1.601.680.859 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng | Bán tem, sách | 441.100.000 | 689.700.000 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh | Bán tem, sách | 762.300.000 | 1.452.000.000 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh | Bán tem, sách | 43.853.092 | 88.776.864 |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội | Bán tem, sách | 471.436.121 | 646.280.449 |
| Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh | Bán sách các loại | 73.974.097 | 192.483.111 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Phim, tem, sách | 2.691.004.561 | 2.732.356.846 |
| Mua hàng | | | |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Thuê nhà, điện, nước | 143.141.800 | 85.728.800 |
| | Phí QLXB | 494.132.000 | 203.150.000 |
| Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục | Mua bản đồ, tranh ảnh | 190.853.621 | 140.639.940 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Mua sách các loại | 260.055.520 | 125.700.990 |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội | Mua sách các loại | 1.634.635.729 | 1.684.133.513 |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng | Mua sách các loại | 216.875.680 | - |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Mua sách các loại | 518.614.800 | 420.001.680 |
| Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc | Mua sách các loại | 2.125.341.163 | 1.819.856.720 |

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

| Công ty liên quan | Nội dung | 30/06/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|---------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam | Phải thu khách hàng | 290.155.515 | 1.493.797.231 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Phải thu khách hàng | 154.664.511 | 16.621.807 |
| | Phải trả người bán | 206.692.000 | 7.560.000 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng | Phải thu khách hàng | 145.886.868 | 821.066.868 |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh | Phải thu khách hàng | - | 2.541.000.000 |
| Công ty CP Sách GD tại TP.Hồ Chí Minh | Phải thu khách hàng | 106.908.360 | 163.055.268 |
| Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục | Phải thu khách hàng | 378.214.622 | 378.343.412 |
| | Phải trả người bán | 413.693.621 | 222.840.000 |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội | Phải thu khách hàng | 623.176.897 | 155.740.776 |
| | Phải trả người bán | 1.634.635.729 | - |
| Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng | Phải thu khách hàng | 352.658.000 | 338.974.000 |
| | Phải trả người bán | 216.875.680 | - |
| Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội | Phải thu khách hàng | 3.972.080.557 | 4.022.833.220 |
| | Phải trả người bán | 556.991.400 | - |
| Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh | Phải thu khách hàng | 89.230.500 | - |
| | Ứng trước tiền hàng | - | 17.817.136 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Phải trả người bán | 452.391.410 | 192.335.890 |
| Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc | Phải trả người bán | 792.494.793 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban Giám đốc trong kỳ

| | 6 tháng đầu năm 2014 VND | 6 tháng đầu năm 2014 VND |
|---------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Lương Ban Giám đốc | 1.208.196.087 | 1.327.949.285 |
| - Giám đốc | 491.670.087 | 560.225.419 |
| - Phó Giám đốc | 716.526.000 | 767.723.866 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 324.000.000 | 323.124.997 |

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc



Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng


Phạm Văn Thắng

Người lập biểu


Phạm Văn Thắng

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-511) 3655 886
Fax: +(84-511) 3655 887
Email: aac@dng.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Toà nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-8) 3910 2235
Fax: +(84-8) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Thành viên

 **PrimeGlobal**